TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DSST
Ngày: 26/ 5/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.***
Các Hội thẩm nhân dân: ***Ông Quách Đình Hoằng***
Bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông ***Phạm Thị Ngọc Yến*** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà ***Cao Thảo Nga*** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân thành phố P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà ***Nguyễn Thị N***, sinh năm 1964.
Địa chỉ: 276 Lê D, phường T, thành phố P, tỉnh G, có mặt.

- Bị đơn: Ông ***Trần Đỗ Nam O,*** sinh năm: 1970.
Địa chỉ: 106 Tôn Thất T, phường P, TP. P, tỉnh G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 30/10/2017 ông Trần Đỗ Nam O có mượn tôi số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), để đáo hạn ngân hàng, và hẹn trong thời gian 10 ngày sẽ trả cho tôi số tiền nói trên, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, tuy nhiên đã quá thời gian trả nợ tôi đã nhiều lần điện thoại và đến nhà gặp ông O nhưng ông O không trả cho tôi tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, vì vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân TP.P buộc ông Trần Đỗ Nam O phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là

150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất là 1,5%/tháng, tạm tính từ ngày 30/10/2017 đến ngày 22/10/2020 là 81.000.000đ (tám mươi mốt triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị N đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm:

- 01 Giấy mượn tiền của ông Trần Đỗ Nam O có mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, giấy được viết và ký vào ngày 30/10/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Đỗ Nam O đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành niêm yết tống đạt hợp lệ: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng ông Trần Đỗ Nam O vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Theo Biên bản xác minh ngày 10/02/2020, tại tổ 3, phường P, thành phố P , tỉnh G xác định:

Ông Trần Đỗ Nam O có nhà ở tại 106 Tôn Thất T, tổ 10 (trước đây là tổ 17), phường P, TP.P, G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 10, phường P, TP.P, G, ông Trần Đỗ Nam O có sống tại địa phương.

*** Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà giữ nguyên yêu cầu buộc ông Trần Đỗ Nam O phải trả cho bà số tiền 150.000.000đ (môt trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N yêu cầu tính lãi là 1,50%/ tháng, tại phiên tòa bà N thay đổi và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Trần Đỗ Nam O vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trần Đỗ Nam O phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000đ (môt trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Trần Đỗ Nam O, trú tại: tổ 10, phường P, TP.P, G phải trả số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật (10%/năm). Vì vậy, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp: "Hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Đỗ Nam O đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Qua lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào biên bản do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng việc ông Trần Đỗ Nam O có viết giấy nhận mượn tiền của bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 30/10/2017 và cam kết trả nợ trong vòng 10 ngày, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, tuy nhiên sau đó ông Trần Đỗ Nam O không thực hiện theo đúng cam kết của mình theo ngày nhận nợ được viết ngày 30/10/2017.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng, căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 30/10/2017 và theo lời trình của nguyên đơn giấy nợ là chính bản thân do ông Trần Đỗ Nam O tự nguyện viết và ký vào ngày 30/10/2017.

[3] Ông Trần Đỗ Nam O đã được tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông O đều vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như vậy ông O đã mặc nhiên chấp nhận việc có xác nhận nợ của bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và đồng thời xem như ông O đã từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

[4] Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 BLTTDS để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở giấy nhận nợ ngày 30/10/2017, như vậy có căn cứ xác định ông Trần Đỗ Nam O có viết giấy nhận nợ và công nhận nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nên bà N yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đỗ Nam O phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 150.000.000đ (môt trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

[5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu bị đơn là ông Trần Đỗ Nam O phải trả cho bà N số tiền lãi theo quy định của pháp luật, xét thấy hợp đồng vay của ông Trần Đỗ Nam O vay bà N là hợp đồng vay có lãi và có thời hạn và tuy nhiên không xác định được lãi, vì vậy xác định lãi trong trường hợp này là có thỏa thuận về lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, như vậy xác định lãi suất trong trường hợp này là 10%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật

dân sự năm 2015. Từ ngày 30/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/5/2021 là 1303 ngày.

Tiền lãi được tính là: 150.000.000đ x10% x 365 ngày x 1303 ngày = 53.547.945đ (năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Đỗ Nam O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 71; Điều 72; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 109; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280; Điều 429; Điều 463; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Trần Đỗ Nam O phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 203.547.945đ (hai trăm lẻ ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 53.547.945đ (năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Trần Đỗ Nam O phải chịu 10.177.397 (Mười triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 8.025.000đ (tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã tạm nộp án phí trước đây theo biên lai số 0005751 ngày 11/11/2020 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự TP.P, tỉnh G.

3. Về thời hạn kháng cáo*:*

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/5/2021). Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời

hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND TP. P
- Chi cục THADS TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hồng